TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 85/2019/QĐST- HNGĐ	*Diễn Châu, ngày 26 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 59, 81, 82, 83, Điều 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ Phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Dân sự thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phạm Đình Tr, sinh năm 1993.

Hiện trú tại: thôn 6, xã DK, huyện D, tỉnh Nghệ An.

2. Chị Trần Thị M, sinh năm 1994.

Hiện trú tại: thôn 6, xã DK, huyện D, tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đình Tr và chị Trần Thị M kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 02 năm 2014, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DK, huyện D, tỉnh Nghệ An. Như vậy, hôn nhân giữa anh Phạm Đình Tr và chị Trần Thị M là hôn nhân hợp pháp.

[2] Về tình trạng hôn nhân: Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường nhưng được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống cũng như tính cách nên hay xích mích, xúc phạm lẫn nhau. Đến năm 2015 thì vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội, ngoại và Hòa giải viên trung tâm hòa giải tại tòa án nhân dân huyện D kiên trì hòa giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không cải thiện được, vợ chồng không thống nhất đoàn tụ mà đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc thỏa thuận ly hôn của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái

đạo đực xã hội. Do đó, cần căn cứ các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đình Tr và chị Trần Thị M.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Nhất D, sinh ngày 04/10/2014 nay ly hôn anh Tr, chị M thỏa thuận giao con chung vợ chồng cho anh Phạm Đình Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tr mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến lúc con trưởng thành. Xét thấy thỏa thuận của anh Phạm Đình Tr và chị Trần Thị M về việc nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với lợi ích của con chung, phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ và các Điều 81, 82, 83, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của các đương sự.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí tòa án: Vợ chồng thống nhất thỏa thuận anh Phạm Đình Tr chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, Chị M phải chịu lệ phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Đình Tr và chị Trần Thị M.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Nhất D, sinh ngày 04/10/2014 cho anh Phạm Đình Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tr mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến lúc con 18 tuổi trưởng thành. Chị M có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết

2. Về lệ phí tòa án: Anh Phạm Đình Tr chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh Tr đã nộp tại chi cục thi hành án Dân sự huyện D theo biên lai số 0004682 ngày 14 tháng 6 năm 2019. Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự" (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Xuân Hùng

Nơi nhận:
- *VKSND huyện D;*
- *Chi cục T.H.A D;*
- *UBND xã DK;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*